

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23- 7 - 2020
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Bà Phạm Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐ- HNGĐ ngày 06/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ch, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Cụm 2, thôn Đ, xã ĐP, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Bùi Trung K, sinh năm 1970;

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Cụm 2, thôn Đ, xã ĐP, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị Ch trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Trung K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 tại xã ĐP, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Đến năm 2004, do chị có con nên cả hai quyết định đăng ký kết hôn với nhau để khi khai sinh cho con có đủ cả bố, mẹ. Vì vậy, vào ngày 02/7/2004, chị và anh K đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện ĐP. Sau khi sinh con và đăng ký kết hôn, chị và anh K tiếp tục sống hạnh phúc được thêm khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm. Đến năm 2010, anh K vi phạm pháp luật nên đã bỏ trốn khỏi nơi anh chị cùng chung sống. Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đã có quyết định truy nã đối với anh K nhưng cho đến nay vẫn chưa có thông tin gì về anh K. Nhiều năm vợ chồng xa cách không có liên lạc gì nên chị đã không còn tình cảm với anh K, vì vậy để ổn định cuộc sống riêng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K

- Về con chung: Chị và anh K có một con chung là cháu Bùi Trà M, sinh ngày 04/5/2004. Do anh K không rõ tung tích nên chị xin được nuôi cháu M và không yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, công sức của chị với gia đình anh K và các khoản nợ chung: Chị Ch khai chị và anh K không có tài sản gì chung và không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản.

Đối với Bị đơn là anh Bùi Trung K, căn cứ kết quả cung cấp thông tin xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an xác định được từ khoảng năm 2000 đến năm 2010 anh K có đăng ký tạm trú tại cụm 2, thôn Đ, xã ĐP, huyện ĐP. Ngày 11/01/2008, anh Bùi Trung K bị Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình tổng đạt các văn bản tố tụng của Cơ quan điều tra xác định anh Bùi Trung K đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú tại cụm 2, thôn Đ, xã ĐP, huyện ĐP. Ngày 08/02/2010, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an đã ra Quyết định truy nã số 01/C15 (P10) đối với anh Bùi Trung K và đến nay vẫn chưa truy bắt được. Tuy vậy, quá trình giải quyết đơn xin ly hôn của chị Ch, Tòa án vẫn tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh K biết về các yêu cầu khởi kiện của chị Ch.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Bùi Trung K và đề nghị được nuôi con chung của anh, chị là cháu Bùi Trà M, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh K và tài sản chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ch, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Ch được ly hôn anh Bùi Trung K. Về con chung, giao cháu Bùi Trà M cho chị Ch nuôi, tạm hoãn việc xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh K. Về tài sản chung, không xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Bùi Thị Ch có đơn đề nghị giải quyết ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn với anh Bùi Trung K. Anh K có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại xã ĐP, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn hiện đang trốn truy nã, vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ch và anh Bùi Trung K chung sống với nhau từ năm 2000 cho đến năm 2004 thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội vào ngày 02/7/2004. Do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên vào năm 2008, anh Bùi Trung K bị Cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm kinh tế Bộ công an khởi tố về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã bỏ trốn đến nay vẫn chưa có tin tức gì dẫn đến đời sống vợ chồng xa cách thời gian dài, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Chị Ch xác định không còn tình cảm với anh K và xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị là trầm trọng, quan hệ hôn nhân thực tế không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy chấp nhận cho chị Ch được ly hôn anh K.

[2.2]. Về con chung: Chị Ch và anh K có một con chung là cháu Bùi Trà M, sinh ngày 04/5/2004. Do không có tung tích của anh K và bản thân chị Ch cũng có nguyện vọng được nuôi cháu M và không đề nghị Tòa án xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh K nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Bùi Trà M cho chị Ch nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh K. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Chị Ch khai chị và anh K không có tài sản gì chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh K vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung của anh, chị.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị Ch phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, 57, 58, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ch.

1. Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Ch và anh Bùi Trung K.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Trà M, sinh ngày 04/5/2004 cho chị Bùi Thị Ch nuôi cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Bùi Trung K cho đến khi cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Bùi Trung K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Ch phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Ch đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, theo biên lai thu số 0003766 ngày 02 tháng 12 năm 2019.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bùi Trung K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP,
TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện ĐP,
TP. Hà Nội;
- UBND xã ĐP, huyện
ĐP, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

